

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN
THẾ
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2025/HNGĐ-ST
Ngày 27/6/2025
Về việc tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hải Đăng.
2. Ông Dương Ngô Phiên .

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Văn Tùng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Ngày 27/6/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11/6/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đồng Thị O, sinh năm 1977 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn V, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Phạm Doãn O1, sinh năm 1965 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, chị Đồng Thị O trình bày:

Chị và anh Phạm Doãn O1 có được tự nguyện tìm hiểu trước khi kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống Hòa Thuận, hạnh phúc. Đến khoảng tháng 3 năm 2006 do nảy sinh mâu thuẫn với anh O1 nên chị chuyển về nhà mẹ đẻ ở thôn V, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang sinh sống từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống và do mâu thuẫn giữa việc nuôi con chung, con riêng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được, tình cảm đã hết, mâu thuẫn đã trầm trọng, thời gian ly thân đã gần 20 năm nên chị làm đơn này đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Doãn O1. Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Phạm Doãn M, sinh năm 2005, hiện cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, anh Phạm Doãn O1 trình bày:

Anh và chị O1 có tự nguyện tìm hiểu trước khi đăng ký kết hôn. Vợ chồng anh đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, không phát sinh mâu thuẫn cho đến khoảng tháng 3 năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau. Trong cuộc sống thường ngày hai vợ chồng hay xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Anh và chị O1 đã ly thân từ khoảng tháng 3/2006 cho đến nay, không còn liên hệ gì. Nay chị O1 xin ly hôn thì anh đồng ý.

Về việc nuôi con: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Phạm Doãn M, sinh năm 2005, hiện cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng anh không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị O1 yêu cầu được ly hôn với anh O1 nên xác định đây là quan hệ tranh chấp về việc ly hôn; Anh O1 có nơi cư trú tại huyện Y nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt của đương sự: Chị O1 và anh O1 đều được triệu tập hợp lệ và cùng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị O1 và anh O1.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị O1 và anh O1 tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình. Qua lời khai của chị O1 và anh O1, có đủ cơ sở xác định: Chị O1 và anh O1 chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau nhất là trong việc dung hòa mối quan hệ giữa con chung và con riêng. Vợ chồng anh chị đã ly thân từ năm 2006 cho đến nay. Chị O1 xin ly hôn, anh O1 đồng ý. Như vậy có đủ căn cứ khẳng định mâu thuẫn giữa chị O1 và anh O1 là trầm trọng, hôn nhân thực tế đã không tồn tại,

đời sống chung không thể kéo dài nên chị O1 xin ly hôn anh O1 là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về việc nuôi con: Chị O1 và anh O1 cùng thừa nhận vợ chồng có 01 con chung, hiện khỏe mạnh, phát triển bình thường và đã thành niên, không yêu cầu giải quyết việc nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Chị O1 và anh O1 cùng thừa nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Đồng Thị O phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật, anh Phạm Doãn O1 không phải chịu án phí.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 147; Điều 271; Điều 273;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đồng Thị O: Xử cho chị Đồng Thị O được ly hôn anh Phạm Doãn O1.

3. Về tiền án phí: Chị Đồng Thị O phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng tại Biên lai số 0002023 ngày 16/5/2025 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế thu. Xác nhận chị O đã nộp đủ tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- UBND xã Đông Sơn, huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án tối cao;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Trang